

**TÒA ÁN N DÂN
QUẬN TÂY B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ././HNGĐ-ST

Ngày: 0.-.-.

V/v: *Tranh chấp xin ly hôn*

N DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN QUẬN TÂY B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị N Anh

Các Hội thẩm n dân: .. Bà Phạm Thị Hiền

.. Ông Nguyễn Ngọc Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng-Thư ký TAND quận Tây B.

- Đại diện Viện kiểm sát n dân quận Tây B tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Ngọc B - Kiểm sát viên.

Ngày 0. tháng . năm . tại trụ sở Tòa án n dân quận Tây B, TP Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn n và gia đình thụ lý số: .../TLST-HNGĐ ngày .5./.. về việc Tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6././QĐXXST-HNGĐ ngày .../.., giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm; ĐKKHKT: Số .., ngõ .., N N, phường N C, quận C Xuân, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: .C ngõ ..0/. T T, phường T An, quận Tây B, thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn: Ông Vũ Văn D, sinh năm; ĐKKHKT: .. ngách ./.. đường Âu Cơ, phường T An, quận Tây B, thành phố Hà Nội; **Người giám hộ cho ông Vũ Văn D:** Anh Vũ Dương B, sinh năm ..70; ĐKKHKT: .A B B, phường B B, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: số . ngách ./.. Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Tôi và ông Vũ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày .0/8/.00. tại Ủy ban n dân phường T An, quận Tây B, TP Hà Nội. Trước khi kết hôn, cả hai chúng tôi đều đã có gia đình (vợ ông D và cbng tôi đều đã chết), thời điểm kết hôn tôi 65 tuổi, ông D 76 tuổi, chúng tôi nghĩ kết hôn để có người bầu bạn lúc tuổi già, tuy nhiên tuổi cả hai đều cao, không thể chăm sóc được cho nhau nên chúng tôi không ở cùng nhau và không nói chuyện với nhau từ rất lâu.

Ông D thường xuyên ốm đau, đến năm .0.. thì ông D bị bệnh nặng, nằm liệt một chỗ không nhận thức, điều khiển được hành vi, tôi đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông D mất năng lực hành vi và xin được ly hôn ông D. Tòa án n dân quận Tây B đã tuyên bố ông D là người mất năng lực hành vi dân sự và đã chỉ định anh B là người giám hộ cho ông D.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng giữa tôi và ông D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Tôi và ông D không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi và ông D không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Văn D do anh Vũ Dương B là người giám hộ trình bày: Anh B là con ông Vũ Văn D và bà Dương Thị Cương theo giấy khai sinh số ...5 do UBND khu hành chính Hoàn Kiếm cấp ngày .0/./..70, bà Cương chết năm .00.. Sau khi mẹ tôi chết bố tôi kết hôn với bà Nguyễn Thị D như bà D khai ở trên là đúng. Mặc dù ông D, bà D kết hôn nhưng thực tế không sống cùng nhau như bà D khai. Ngày .5/./.. Tòa án nhân dân quận Tây B đã tuyên bố ông Vũ Văn D là người mất năng lực hành vi dân sự và chỉ định tôi là người giám hộ cho ông D, tôi đồng ý.

Trước đây, ông D sống một mình và đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ . T T, T An, Tây B, Hà Nội. Đến năm .0.. bố tôi già yếu, bệnh nặng nên tôi đã đón ông về sống cùng tại số nhà 0. ngách .. ngõ .. Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội để tiện chăm sóc tuy nhiên chưa đăng ký thường trú, tạm trú tại nhà đất trên được vì bố tôi thường xuyên phải điều trị trong bệnh viện.

Tháng .0 năm .0.., bố tôi bị bệnh thần kinh Parkinson (co cứng cơ), suy giảm trí tuệ ở người già, nằm liệt một chỗ từ đó đến nay, mọi việc sinh hoạt, ăn uống phải qua ông xông nôi với dạ dày, việc vệ sinh cá nhân phải có người giúp, tôi là người trực tiếp chăm sóc cho ông D.

Nay bà Nguyễn Thị D có đơn xin ly hôn ông Vũ Văn D tại Tòa án tôi là người giám hộ hợp pháp của ông D đồng ý với việc xin ly hôn của bà D vì thực tế ông D, bà D chỉ đăng ký kết hôn trên giấy tờ chứ thực tế không chung sống cùng nhau. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D. Về con chung: Ông D, bà D không có con chung. Về tài sản, công nợ chung: Bà D, ông D không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các lời khai như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây B phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng. TAND quận Tây B thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thu thập, chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm .0..; Điều 57, Điều 58 Bộ luật dân sự năm .0.5; Điều ..7, .7., .7. Bộ luật tố tụng dân sự năm .0.5; Nghị quyết số ..6/.0.6/UBTVQH.. ngày .0/./..0.6 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D. Bà D được ly hôn ông D. Về con chung: không có nên không xét. Về tài sản, công nợ chung: không có nên không xét. Về án phí: Bà D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi tên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Việt kiểm sát và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[.]. *Về tố tụng*: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn ông Vũ Văn D nên n hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Vũ Văn D đăng ký hộ khẩu thường trú tại số .. ngách ./.. đường Âu Cơ, phường T An, quận Tây B, TP Hà Nội, hiện ông D sinh sống tại số 0. ngách ./.. ngõ .. Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội. Theo cung cấp của công an phường Liễu Giai, quận Ba Đình: ông D không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ trên. Ông D, bà D đăng ký kết hôn tại UBND phường T An, quận Tây B, bà D đang cư trú tại: .C ngõ ..0/. T T, phường T An, quận Tây B, TP Hà Nội, căn cứ khoản . Điều .5; điểm a khoản . Điều .. BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án n dân quận Tây B.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Vũ Văn D do anh Vũ Dương B là người giám hộ đã triệu tập hợp lệ phiên tòa, anh B xin được vắng mặt. Căn cứ Điều ..7 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[.]. **Về nội dung**:

Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị D và ông Vũ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày .0/8/.00. tại UBND phường T An, quận Tây B, TP Hà Nội, xác định đây là hôn n hợp pháp.

Theo bà D và anh B: Sau khi kết hôn ông D, bà D không sinh sống cùng nhau mà mỗi người một nơi, hiện ông D đã già yếu, không nhận thức và điều khiển được hành vi, cần có người chăm sóc, bản thân bà D cũng không có khả năng chăm sóc cho ông D.

Qua xác minh tại địa phương nơi ông D, bà D cư trú và đại diện gia đình ông bà thể hiện: Ông D, bà D không sinh sống cùng nhau, ông bà không có con chung, cả hai đều đã già yếu, ông D ốm yếu từ rất lâu, anh B là con riêng của ông D đón ông D về ở cùng, chăm sóc từ năm .0.., ông D thường xuyên phải điều trị trong bệnh viện. Hiện ông D đang điều trị tại Trung tâm bi sức cấp cứu Bệnh viện Bạch Mai. Bà D đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông D là người mất năng lực hành vi dân sự. Theo Kết luận giám định của Viện pháp y Tâm thần trung ương kết luận: "Tại thời điểm giám định đối tượng Vũ Văn D bị bệnh Mất trí trong bệnh Alzheimer. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ .0 năm, bệnh có mã số F00. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi".

Tại Quyết định số 6././QĐST-HNGĐ ngày .5././. của TAND quận Tây B đã quyết định: *Tuyên bố ông Vũ Văn D, sinh năm:; ĐKKHTT: .. ngách ./.. đường Âu Cơ, phường T An, quận Tây B, TP Hà Nội là người mất năng lực hành vi dân sự. Chỉ định anh Vũ Dương B là người giám hộ cho ông Vũ Văn D.*

Như vậy hôn n giữa ông D và bà D thực tế không tồn tại, mục đích hôn n không đạt được. Việc bà D xin ly hôn ông D là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung: Ông D, bà D không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[.] Về án phí:

Bà D là người cao tuổi, được miễn nộp tiền án phí giải quyết vụ án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 57, 58 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 2; Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 7, 7. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 1. Nghị quyết số 68/2015/QH12 ngày 01/10/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D. Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Vũ Văn D.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Bà D là người cao tuổi, được miễn nộp tiền án phí giải quyết vụ án.

Bà D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông D do anh B là người giám hộ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

.... **Về án phí:** Anh Việt chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 8., 8., 8. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng tại điều 8, khoản 1. Điều 5, khoản 1. Điều 2, Điều 7, Điều 7., Điều 7.
Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004;

Nghị quyết 26/2006/UBTVQH.. ngày 20/10/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Ngọc Việt. Anh Trần Ngọc Việt được ly hôn chị Vũ Minh Trang.

Về con chung: Xác nhận anh, chị có con chung là cháu Trần Ngọc Diệp, sinh ngày 20/10/2007.

Giao chị Trang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Diệp đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Anh Việt tự nguyện cấp dưỡng để nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Anh Việt, chị Trang không có nhà, không có tài sản chung. Anh Việt, chị Trang không ai nợ ai và không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Anh Việt tự nguyện nộp .00.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí .00.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00....0 ngày 06/6/0.. tại Chu cức Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Anh Việt, chị Trang có quyền kháng cáo trong thời hạn .5 ngày kể từ ngày tuyên án.